

Số: 28 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên,
môi trường biển và hải đảo đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030 với các nội dung sau:

1. Quan điểm chỉ đạo

a) Điều tra cơ bản tài nguyên môi trường biển là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà nước phải được tập trung đẩy mạnh bảo đảm cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phục vụ công tác quản lý, phát triển kinh tế biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

b) Các dự án, đề án, nhiệm vụ điều tra cơ bản phải mang tính tổng hợp, liên ngành, liên vùng, đa mục tiêu, có tính kế thừa, phát triển, gắn kết chặt chẽ với nghiên cứu khoa học và được Nhà nước quản lý thống nhất.

c) Cơ sở dữ liệu và thông tin kết quả điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phải bảo đảm kịp thời, đầy đủ, tin cậy, có tính định lượng cao và được số hóa, tích hợp, chia sẻ và cập nhật, khai thác, sử dụng chung.



d) Nhà nước bảo đảm nguồn lực, các điều kiện cần thiết, ưu tiên đầu tư ngân sách, bảo đảm tập trung, tránh dàn trải, phân tán. Đa dạng hoá nguồn đầu tư cho hoạt động điều tra cơ bản, kết hợp huy động các nguồn lực trong và ngoài nước.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phải đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế biển, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế trong từng giai đoạn để đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

b) Các mục tiêu cụ thể

Đến năm 2030, tối thiểu 50% diện tích vùng biển và hải đảo Việt Nam được khảo sát, điều tra, phân tích, đánh giá về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ở tỷ lệ 1:500.000 và điều tra ở tỷ lệ lớn đối với một số khu vực trọng điểm, cụ thể như sau:

- Đảm bảo điều tra tổng hợp các yếu tố tự nhiên (khí tượng, hải văn, môi trường, các hệ sinh thái, động đất, sóng thần...) gắn với nghiên cứu khoa học nhằm nắm vững các quy luật tự nhiên phục vụ khai thác, sử dụng có hiệu quả các giá trị, tiềm năng của biển, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Hoàn thành công tác đo đạc, lập bản đồ địa chất, khoáng sản biển, tai biến địa chất, địa chất môi trường vùng biển ven bờ đến 300m nước ở tỷ lệ 1:100.000; điều tra ở tỷ lệ 1:500.000 một số vùng biển sâu, vùng biển quốc tế liền kề gắn với điều tra chi tiết một số khu vực có tiềm năng về khoáng sản biển (kết hạch sắt - mangan, khí hydrate, khí nông...).

- Hoàn thành công tác đo đạc thành lập bản đồ địa hình đáy biển, hải đồ tỷ lệ 1: 50.000 vùng biển ven; thành lập bản đồ ở tỷ lệ lớn (1:25.000; 1:10.000; 1:5.000) một số khu vực trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế và xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên biển; hoàn thành công tác thành lập bản đồ tỷ lệ nhỏ 1:500.000, 1:250.000 vùng biển sâu, biển xa tạo cơ sở nền địa hình phục vụ điều tra cơ bản điều kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường biển.

- Hoàn thành công tác điều tra, đánh giá, xác định trữ lượng, mức độ phân bố, biến động thành phần loài, điều kiện, đặc điểm môi trường sống các loại hải sản vùng biển ven bờ phục vụ hoạt động khai thác, sử dụng bền vững nguồn lợi hải sản, bảo tồn, gìn giữ các loài đặc hữu, quý hiếm; mở rộng điều tra, đánh giá đa dạng sinh học và dự báo tiềm năng nguồn lợi hải sản ở vùng biển sâu nhằm cung cấp thông tin khoa học cho việc điều chỉnh hoạt động nghề cá xa bờ, đề xuất ngư cụ khai thác phù hợp, có thể sử dụng ở vùng biển sâu và công nghệ khai thác đối với nghề cá ở vùng biển sâu.

- Hoàn thành việc điều tra, đánh giá có hiệu quả các loại tài nguyên mới

(khí đá phiến sét, khí hydrate, tài nguyên vị thế, năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sóng, thủy triều, sinh dược học biển và các nguồn tài nguyên khác).

- Thành lập được bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm và sức chịu tải của hệ sinh thái, tài nguyên, môi trường trên toàn vùng biển Việt Nam tỷ lệ 1:500.000 và tỷ lệ lớn khu vực biển ven bờ đến độ sâu đến 100m nước; xác định các nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường biển do chất thải nhựa, vi nhựa, chất thải phóng xạ, các hợp chất ô nhiễm mới có nguồn gốc từ các hoạt động của con người; xác định khu vực biển thuận lợi cho hoạt động nhận chìm ở biển.

- Hoàn thành việc thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu số hóa về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, bảo đảm tính tích hợp, chia sẻ và cập nhật.

3. Phạm vi và thời hạn của Chương trình

a) Phạm vi của Chương trình: tập trung điều tra tổng hợp tài nguyên, môi trường ở tỷ lệ nhỏ tại các vùng biển sâu, biển xa và điều tra, đánh giá tiềm năng tài nguyên, hiện trạng, sức chịu tải môi trường ở tỷ lệ lớn đến trung bình ở một số khu vực trọng điểm ven biển phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

b) Thời hạn thực hiện: Từ 2020 đến năm 2030.

4. Các nhiệm vụ

a) Giai đoạn 2020 - 2025

- Tiếp tục thực hiện các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 47/2006/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2006 về phê duyệt Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên - môi trường biển đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Đề án 47); Quyết định số 796/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2010 và Quyết định số 1876/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013 về bổ sung dự án vào Đề án 47; Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Công văn số 1591/TTg-KGVX ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc đề nghị bổ sung dự án vào Đề án 47 và Công văn số 2109/TTg-KGVX ngày 27 tháng 10 năm 2014.

- Điều tra tổng hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn minh sinh thái biển nhằm có được các số liệu, dữ liệu về khí tượng, hải văn, môi trường, động đất, sóng thần... phục vụ quy hoạch, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển; xây dựng, thiết kế các công trình trên biển, đánh giá các tác động của yếu tố tự nhiên tới các công trình biển, quá trình xâm nhập mặn, suy thoái môi trường biển, phát triển bền vững kinh tế biển, bảo vệ quốc phòng, an ninh trên biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Điều tra đặc điểm cấu trúc địa chất, địa động lực và tài nguyên, môi trường vùng biển Quảng Ngãi - Phú Yên đến độ sâu 300m nước, tỷ lệ 1/100.000, khu vực biển miền Trung Trung Bộ đến độ sâu 1.000 m nước, tỷ lệ 1/500.000 và một số vùng trọng điểm tỷ lệ 1/100.000.

- Đo đạc, thành lập, hệ thống hóa bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ lớn 1:10.000 một số khu vực trọng điểm, tỷ lệ trung bình 1:50.000 vùng biển ven bờ và tỷ lệ nhỏ 1:250.000, 1:500.000 trên toàn bộ vùng biển Việt Nam.

- Điều tra tổng thể đa dạng sinh học và nguồn lợi hải sản ở tỷ lệ nhỏ vùng biển sâu, điều tra chi tiết tại các bãi cạn, gò đồi ngầm; tiến hành điều tra định kỳ nguồn lợi hải sản và môi trường sống của loài hải sản, các loại tài nguyên và các yếu tố môi trường có tính biến động theo quy định pháp luật.

- Điều tra cơ bản kết hợp với nghiên cứu khoa học đánh giá tiềm năng tài nguyên vị thế, năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sóng, thủy triều, sinh dược học biển và các nguồn tài nguyên khác.

- Thành lập bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm và sức chịu tải của hệ sinh thái, tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, bản đồ mức độ thuận lợi cho nhận chìm ở biển và san lấp ven biển đối với các vật, chất khác nhau, bản đồ khả năng chống chịu đối với thiên tai và hoạt động nhân sinh của các vùng biển ở tỷ lệ tối thiểu 1:500.000 khu vực biển ven bờ đến độ sâu 100m nước. Xác định các nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường biển và hải đảo do chất thải nhựa, vi nhựa, chất thải phóng xạ, các hợp chất ô nhiễm mới có nguồn gốc từ các hoạt động của con người. Xác định những khu vực biển thuận lợi cho nhận chìm ở biển đối với các vật, chất khác nhau.

- Ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến và hiện đại trong điều tra, giám sát và dự báo thiên tai (xói lở bờ biển, bồi tụ biến động luồng lạch, nước biển dâng, ...), sự cố môi trường biển.

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và cơ chế quản lý, khai thác dữ liệu về điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, bảo đảm tích hợp và kết nối tin cậy theo mô hình dữ liệu lớn đáp ứng kịp thời nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu.

b) Giai đoạn 2026 - 2030

- Điều tra cơ bản kết hợp với nghiên cứu khoa học biển, phát huy vai trò của khoa học và công nghệ trong việc thúc đẩy, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển và hải đảo về quy luật phân bố và nguồn gốc thành tạo các khoáng sản biển (khí hydrate, sa khoáng,..), cô khí hậu, cô đại dương, chế độ thủy thạch động lực, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường tới các hệ sinh thái, đánh giá định lượng bậc dinh dưỡng của các loài hải sản, chuỗi, lưới thức ăn, đa dạng sinh học, nguồn lợi hải sản, các công trình ven biển, điện gió biển và năng lượng tái tạo biển, nano biển, sinh dược học biển.



- Tiếp tục điều tra đánh giá định kỳ một số yếu tố tự nhiên, tài nguyên có tính biến động cao như: hải dương học, khí tượng thủy văn, tài nguyên sinh vật, hệ sinh thái, môi trường biển và hải đảo.

- Điều tra, đánh giá chi tiết tiềm năng, trữ lượng một số tài nguyên, khoáng sản biển, các loại toàn nguyên mới phục vụ việc khai thác và sử dụng bền vững các loại tài nguyên biển.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong điều tra, nghiên cứu những vấn đề mang tính khu vực và quốc tế như: ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng, rác thải xuyên biên giới, cảnh báo động đất, sóng thần, ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, cô khí hậu, cô đại dương, chuỗi, lưới thức ăn, ăn mòn khí quyển và nước mặn đối với các công trình trên biển và ven biển.

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo hiện đại trên cơ sở ứng dụng được các công nghệ tiên tiến, hiện đại.

5. Giải pháp, kinh phí và tiến độ

a) Giải pháp

- Hoàn thiện khung khổ pháp lý về điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, xây dựng các chính sách thu hút, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước vào công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Xây dựng cơ chế, chính sách và các giải pháp phù hợp về quản lý sử dụng hiệu quả các tàu của ngư dân, lực lượng Hải quân, Cảnh sát biển.

- Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ việc nghiên cứu, điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển, hải đảo với trang thiết bị đồng bộ, hiện đại có khả năng thực hiện các nhiệm vụ ở vùng biển sâu, vùng biển quốc tế liên kề; đầu tư mạng lưới quan trắc, giám sát tự động đặc biệt là ở các khu vực nhạy cảm dễ xảy ra các tai biến, ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương có biển trong quá trình triển khai thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ; chia sẻ thông tin, dữ liệu; khai thác, tận dụng tối đa năng lực, kinh nghiệm, phương tiện, trang thiết bị trong phối hợp thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ thuộc Chương trình.

- Tập trung nguồn lực tài chính để thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ thuộc Chương trình từ ngân sách nhà nước, đồng thời huy động vốn từ các chương trình hợp tác quốc tế và đóng góp khác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuộc mọi thành phần kinh tế theo quy định của pháp luật.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát và đánh giá định kỳ về mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; tổ chức tốt việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện.

- Đa dạng hóa các hình thức hợp tác với các nước phát triển trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển và hải đảo để tiếp nhận, chuyển giao tri thức, công nghệ, đồng thời tổ chức đào tạo lại, đào tạo mới, hình thành đội ngũ chuyên gia, đặc biệt là các chuyên gia khoa học đầu đàn, cán bộ quản lý nhà nước có trình độ cao về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Mở rộng quy mô hợp tác quốc tế trong điều tra, nghiên cứu một số vấn đề quan trọng của Biển Đông nhằm nâng cao giá trị khoa học và thực tiễn của các sản phẩm được tạo ra, tạo bước chuyển biến mới về công nghệ nghiên cứu biển và nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ biển đẩy mạnh hoạt động đào tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Huy động sự tham gia của chuyên gia trong và ngoài nước vào quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

b) Kinh phí

- Kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và được bố trí từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, bao gồm: nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế, nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

- Mức kinh phí dự kiến:

+ Giai đoạn 2020 - 2025 là 6.522,7 tỷ đồng (kinh phí đã phê duyệt thực hiện các dự án chuyển tiếp từ Đề án 47 là: 1.186.8 tỷ đồng; kinh phí thực hiện các dự án chuyển tiếp từ các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016, Công văn số 2109/TTg-KGVX ngày 27 tháng 10 năm 2014, Công văn số 1591/TTg-KGVX ngày 18 tháng 10 năm 2017 là: 1.689.9 tỷ đồng; kinh phí thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ mới là: 3.646 tỷ đồng), trong đó, từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường là 1.261 tỷ đồng; từ nguồn sự nghiệp kinh tế là 5.261,7 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2026 - 2030, mức kinh phí sẽ được xác định sau khi sơ kết Chương trình trong năm 2025.

c) Tiến độ thực hiện

Thực hiện theo thứ tự ưu tiên đối với từng dự án, đề án, nhiệm vụ trong Danh mục các dự án, đề án, nhiệm vụ ban hành kèm theo Quyết định này.

6. Danh mục các dự án, đề án, nhiệm vụ

a) Các dự án chuyển tiếp từ Đề án 47 sang Chương trình theo quy định tại Điều 69 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo tại Mục A Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

b) Các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016, Công văn số 2109/TTg-KGVX ngày 27 tháng 10 năm 2014, Công văn số 1591/TTg-KGVX ngày 18 tháng 10 năm 2017 đáp ứng các quy định tại Điều 13 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo tại Mục B Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

c) Các dự án, đề án, nhiệm vụ mới được lựa chọn từ các đề xuất của bộ, ngành, địa phương theo quy định tại Điều 13 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Điều 23 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

7. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Tổ chức, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Chương trình đã được phê duyệt;

- Tổ chức đánh giá việc thực hiện Chương trình khi kết thúc thực hiện hoặc trước khi điều chỉnh Chương trình.

- Tổ chức thực hiện chức năng tổng hợp, theo dõi, quản lý đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả của Chương trình.

- Định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm, tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện Chương trình.

b) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ thuộc Chương trình.

c) Bộ Quốc phòng hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương chủ trì thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ khi có yêu cầu để đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trên biển, hải đảo trong quá trình điều tra, khảo sát trên biển, đặc biệt là các vùng biển có tình hình an ninh phức tạp.

d) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ chế phối hợp thực hiện hiệu quả giữa Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý biển, hải đảo và phát triển kinh tế biển và Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030.

đ) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ có trách nhiệm:

- Tổ chức lập, phê duyệt, điều chỉnh và tổ chức thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ được giao trong Chương trình;



- Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo tình hình thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ được giao về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc tổ chức, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2), LTKH. 26

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng



Phụ lục I

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

A. Danh mục các dự án, đề án, nhiệm vụ chuyên tiếp thuộc Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên - môi trường biển đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 (Đề án 47)

Đơn vị tính: tỷ VNĐ

STT	TÊN DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	NGUỒN KINH PHÍ	KINH PHÍ PHÊ DUYỆT (TỶ ĐỒNG)	KINH PHÍ ĐÃ ĐƯỢC CẤP (TỶ ĐỒNG)	KINH PHÍ CẢN BÓ SUNG (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
I	Quyết định số 1876/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013							
1	Đo vẽ bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1: 50.000 khu vực thềm lục địa từ Ninh Thuận đến Kiên Giang phục vụ nhiệm vụ quản lý biển của các bộ, ngành, địa phương liên quan	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sự nghiệp kinh tế	254,93	27,00	227,93	2015 - 2022	
2	Điều tra, đánh giá chi tiết tài nguyên nước phục vụ xây dựng công trình cấp nước cho các đảo thuộc lãnh thổ Việt Nam	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sự nghiệp kinh tế	33,04	15,36	17,68	2016 - 2020	
3	Điều tra đặc điểm địa chất, cấu trúc - địa động lực, hiện trạng môi trường và dự báo tai biến vùng biển Bình Thuận - Cà Mau (đến độ sâu 300m nước), tỷ lệ 1:500.000	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sự nghiệp kinh tế	254,46	20,00	234,46	2017 - 2022	

STT	TÊN DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	NGUỒN KINH PHÍ	KINH PHÍ PHÊ DUYỆT (TỶ ĐỒNG)	KINH PHÍ ĐÃ ĐƯỢC CẤP (TỶ ĐỒNG)	KINH PHÍ CÁN BỎ SUNG (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
4	Điều tra cơ bản tài nguyên - môi trường các bãi bồi ven biển phục vụ phát triển kinh tế biển và bảo vệ an ninh quốc phòng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sự nghiệp kinh tế	143,06	29,27	113,79	2017 - 2022	
5	Điều tra khảo sát bổ sung, xây dựng bản đồ dị thường động lực các vùng biển Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế biển và an ninh quốc phòng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sự nghiệp kinh tế	60,31	10,30	50,01	2018 - 2022	
6	Điều tra tổng hợp tài nguyên và môi trường vùng biển Tây Nam Bộ và phía Tây Vịnh Bắc Bộ phục vụ phát triển kinh tế biển và an ninh quốc phòng, gồm 02 hợp phần:							
6a	Hợp phần 1: “Điều tra tổng hợp tài nguyên và môi trường vùng biển Tây Vịnh Bắc Bộ phục vụ phát triển kinh tế biển và an ninh quốc phòng”	Bộ Quốc phòng	Sự nghiệp kinh tế	261,00	0	261,00	2020 - 2023	Được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1876/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013 nhưng do địa phương không bố trí được kinh phí, chuyển dự án cho Bộ Quốc phòng chủ trì thực hiện.

STT	TÊN DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	NGUỒN KINH PHÍ	KINH PHÍ PHÊ DUYỆT (TỶ ĐỒNG)	KINH PHÍ ĐÃ ĐƯỢC CẤP (TỶ ĐỒNG)	KINH PHÍ CẢN BÓ SUNG (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
6b	Hợp phần 2: “Điều tra tổng hợp tài nguyên và môi trường vùng biển Tây Nam Bộ phục vụ phát triển kinh tế biển và an ninh quốc phòng”	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sự nghiệp kinh tế	180,00 (Dự kiến)	0	180,00	2020 - 2023	Theo Quyết định số 1876/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013, Dự án được giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre chủ trì thực hiện. Tuy nhiên, do địa phương không bố trí được kinh phí, chuyển dự án cho Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện.
	Tổng kinh phí			1.186,8	101,93	1.084,87	1.084,87	

B. Danh mục dự án, đề án, nhiệm vụ chuyển tiếp từ các văn bản khác của Thủ tướng Chính phủ

Đơn vị tính: tỷ VNĐ

STT	TÊN DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	NGUỒN KINH PHÍ		THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
				SỰ NGHIỆP KINH TẾ	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG		
I	Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016						
1	Điều tra tổng hợp tài nguyên, môi trường vùng biển sâu thuộc vùng thềm lục địa Việt Nam, vùng biển quốc tế liền kề, tỷ lệ 1:500.000	Bộ Quốc phòng	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương	300		2025 - 2027	
2	Điều tra cơ bản điều kiện tự nhiên các đảo tiền tiêu, trọng yếu phục vụ định hướng khai thác, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh quốc phòng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các Bộ, ngành, địa phương có liên quan	250		2019 - 2022	
3	Đánh giá triển vọng kết hạch sắt, mangan ở các vùng biển sâu của Việt Nam	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Quốc Phòng, Bộ Công Thương	150		2020 - 2025	
4	Điều tra đa dạng sinh học và nguồn lợi hải sản vùng biển sâu Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Phát triển	Bộ Tài nguyên và Môi trường,	250		2020 - 2025	

STT	TÊN DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	NGUỒN KINH PHÍ		THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
				SỰ NGHIỆP KINH TẾ	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG		
		nông thôn	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam				
II	Công văn số 1591/TTg-KGVX ngày 18 tháng 10 năm 2017						
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa không gian các đảo trọng yếu và các khu vực DK trên biển Việt Nam hỗ trợ quyết định thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh	Bộ Quốc phòng	Các Bộ, ngành, địa phương có liên quan	117,9		2018 - 2020	Dự án đang triển khai. Kinh phí phê duyệt 166,9 tỷ, đã cấp 49 tỷ, cần bố trí 117,9 tỷ
6	Điều tra tổng hợp điều kiện tự nhiên, tài nguyên và hiện trạng môi trường khu vực biển miền Trung Trung Bộ đến độ sâu 1.000 m nước, tỷ lệ 1/500.000 và một số vùng trọng điểm tỷ lệ 1/100.000.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các Bộ, ngành, địa phương có liên quan	300		2019 - 2021	
7	Điều tra, khảo sát cấu trúc địa chất, đặc điểm địa động lực khu vực nước sâu Biển Đông nhằm đánh giá triển vọng dầu khí và định	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Công Thương, địa phương có liên quan	220		2019 - 2022	

STT	TÊN DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	NGUỒN KINH PHÍ		THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
				SỰ NGHIỆP KINH TẾ	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG		
	hướng công tác thăm dò vùng nước sâu gắn liền với mục tiêu khẳng định chủ quyền quốc gia.						
III	Công văn số 2109/TTg-KGVX ngày 27 tháng 10 năm 2014						
8	Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1: 50.000 khu vực còn lại thuộc Vịnh Bắc Bộ phục vụ nhiệm vụ quản lý biển của các Bộ, ngành, địa phương liên quan.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các Bộ, ngành, địa phương có liên quan	102		2018 - 2021	Dự án đang triển khai. Kinh phí phê duyệt 102,2 tỷ, đã cấp 300 triệu
	TỔNG KINH PHÍ DỰ KIẾN			1.689,9			



Phụ lục II
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ MỚI
(Kèm theo Quyết định số 28/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	TÊN DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	NGUỒN KINH PHÍ		THỜI GIAN THỰC HIỆN
				SỰ NGHIỆP KINH TẾ	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	
I	Điều tra, đánh giá được điều kiện tự nhiên, tài nguyên biển và hải đảo					
1	Điều tra cơ bản hệ thống tài nguyên vị thế, kỳ quan địa chất (đặc biệt chú trọng di sản địa chất và công viên địa chất) vùng biển, đảo Việt Nam, phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển, an ninh quốc phòng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, địa phương liên quan	90		2020 - 2022
2	Điều tra, khảo sát, lập cơ sở dữ liệu chi tiết về điều kiện tự nhiên phục vụ cho quy hoạch, thiết kế và thi công các công trình quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội ở khu vực quần đảo Trường Sa đến năm 2025, tầm nhìn đến 2050; giám sát và đánh giá tác động của môi trường tự nhiên, xã hội đến mục tiêu phát triển bền vững của quần đảo	Bộ Quốc phòng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	90		2020 - 2023
3	Điều tra và mô phỏng quá trình xâm nhập mặn trong các tầng chứa nước dưới đất và ảnh hưởng của nó đến an ninh nguồn nước, an ninh lương thực và sinh thái ở các đồng bằng ven biển Việt Nam dưới bối cảnh biến đổi khí hậu	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ, ngành, địa phương liên quan	30		2020 - 2022

STT	TÊN DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	NGUỒN KINH PHÍ		THỜI GIAN THỰC HIỆN
				SỰ NGHIỆP KINH TẾ	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	
4	Điều tra, đánh giá một số trường vật lý địa cầu (hoạt động động đất, dịch chuyển hiện đại vỏ trái đất, năng lượng gió, năng lượng mặt trời, bão, dông sét, mưa lớn) khu vực thềm lục địa và Biển Đông Việt Nam trên cơ sở số liệu địa chấn, tín hiệu GPS liên tục và vật lý khí quyển phục vụ phòng tránh giảm nhẹ thiên tai và phát triển năng lượng tái tạo.	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Bộ, ngành, địa phương liên quan	90		2020 - 2023
5	Điều tra tổng hợp khí tượng, các yếu tố hải dương, địa chất, môi trường vùng biển Trường Sa tỷ lệ 1:200.000	Bộ Quốc phòng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	160		2020 - 2022
6	Điều tra cơ bản, nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu, công nghệ xử lý các yếu tố tự nhiên tác động lên công trình phục vụ kinh tế kỹ thuật và tăng cường quốc phòng an ninh trên biển và thềm lục địa Việt Nam (giai đoạn 3)	Bộ Quốc phòng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	90		2021 - 2023
7	Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng năng lượng sóng, năng lượng gió biển trên vùng biển từ Quảng Trị đến Cà Mau	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các Bộ, ngành, địa phương có liên quan	120		2020 - 2023
8	Điều tra đặc điểm cấu trúc địa chất, địa động lực và tài nguyên, môi trường vùng biển Quảng Ngãi - Phú Yên đến độ sâu 300m nước, tỷ lệ 1/100.000	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ, ngành, địa phương liên quan	215		2026 - 2028

STT	TÊN DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	NGUỒN KINH PHÍ		THỜI GIAN THỰC HIỆN
				SỰ NGHIỆP KINH TẾ	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	
9	Điều tra khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu và đánh giá tác động của các yếu tố hóa học và khí quyển đến ăn mòn các công trình biển và ven biển Việt Nam	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Bộ, ngành, địa phương liên quan	70		2020 - 2023
10	Điều tra, quan trắc tổng hợp các yếu tố vật lý hải dương và môi trường biển, thiết lập các mặt cắt đặc trưng điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các Bộ, ngành, địa phương có liên quan	290		2023 - 2026
11	Thành lập, hệ thống hóa bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ lớn 1:10.000, tỷ lệ trung bình 1:50.000 và tỷ lệ nhỏ 1:250.000, 1:500.000 trên toàn bộ vùng biển Việt Nam phục vụ chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các Bộ, ngành, địa phương có liên quan	500		2026 - 2029
12	Điều tra tổng hợp, đánh giá đặc trưng văn minh sinh thái biển Việt Nam, phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu	Đại học Quốc gia Hà Nội	Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan		100	2022 - 2025

STT	TÊN DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	NGUỒN KINH PHÍ		THỜI GIAN THỰC HIỆN
				SỰ NGHIỆP KINH TẾ	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	
II	Đánh giá được hiện trạng, rủi ro môi trường và hệ sinh thái biển và hải đảo					
13	Điều tra các hợp chất có hoạt tính sinh học từ những loài sinh vật biển tiềm năng làm dược liệu ở các vùng biển thuộc miền Bắc của Việt Nam, xây dựng bộ dữ liệu về sinh vật biển có giá trị dược dụng và các chất có hoạt tính sinh học cao phục vụ cho các nghiên cứu y - sinh - dược học	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Bộ, ngành, địa phương liên quan	120		2020 - 2024
14	Điều tra, đánh giá hiện trạng rác nhựa và vi nhựa biển ở Việt Nam; đề xuất giải pháp kiểm soát, quản lý”, gồm 2 hợp phần:					
14a	Hợp phần 1 “Điều phối, quản lý chung Dự án và tổ chức điều tra, đánh giá hiện trạng rác nhựa biển ở Việt Nam; đề xuất giải pháp kiểm soát, quản lý	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ, ngành, địa phương liên quan		160	2020 - 2025
14b	Hợp phần 2 “Điều tra, đánh giá hiện trạng rác vi nhựa (microplastic) biển ở Việt Nam”	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Bộ Tài nguyên và Môi trường, địa phương liên quan		126	2020 - 2023
15	Thành lập bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo Việt Nam	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ, ngành, địa phương liên quan		400	2026 - 2030
16	Điều tra, đánh giá tổng hợp, xác định khả năng chống chịu, sức tải môi trường và hệ sinh thái các vùng biển ven bờ phục vụ phát triển kinh tế bền vững, chủ động ứng phó sự cố môi trường và thiên tai, gồm 3 Hợp phần:					

STT	TÊN DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	NGUỒN KINH PHÍ		THỜI GIAN THỰC HIỆN
				SỰ NGHIỆP KINH TẾ	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	
16a	Hợp phần 1 “Điều tra, đánh giá và xây dựng quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và quản lý chung Dự án “Điều tra, đánh giá tổng hợp, xác định khả năng chống chịu, sức tải môi trường và hệ sinh thái các vùng biển ven bờ phục vụ phát triển kinh tế bền vững, chủ động ứng phó sự cố môi trường và thiên tai”	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ, ngành, địa phương liên quan		20	2020 - 2023
16b	Hợp phần 2 “Điều tra, đánh giá tổng hợp, xác định khả năng chống chịu, sức tải môi trường và hệ sinh thái các vùng biển ven bờ phục vụ phát triển kinh tế bền vững, chủ động ứng phó sự cố môi trường và thiên tai tại từ Quảng Ninh - Quảng Ngãi”	Đại học Quốc gia Hà Nội	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tài nguyên và Môi trường, địa phương liên quan		100	2020 - 2023
16c	Hợp phần 3 “Điều tra, đánh giá tổng hợp, xác định khả năng chống chịu, sức tải môi trường và hệ sinh thái các vùng biển ven bờ phục vụ phát triển kinh tế bền vững, chủ động ứng phó sự cố môi trường và thiên tai từ Bình Định - Kiên Giang”	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Tài nguyên và Môi trường, địa phương liên quan		100	2020 - 2023
17	Điều tra, khảo sát, đánh giá và xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường phóng xạ, các hóa chất độc hại trong nước, trầm tích biển vùng ven bờ, xa bờ và nước thải tại các khu kinh tế ven biển Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng	Bộ Quốc phòng	Bộ Khoa học và Công nghệ		85	2020 - 2022

STT	TÊN DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	NGUỒN KINH PHÍ		THỜI GIAN THỰC HIỆN
				SỰ NGHIỆP KINH TẾ	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	
18	Điều tra tổng thể nguồn lợi hải sản và môi trường sống của loài hải sản theo định kỳ 5 năm một lần.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ, ngành và địa phương liên quan		100	2025 - 2030
19	Điều tra tổng thể đa dạng sinh học và nguồn lợi hải sản tại các bãi cạn, gò đồi ngầm ở vùng biển Việt Nam phục vụ công tác bảo tồn và phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ, ngành và địa phương liên quan		70	2020 - 2025
III	Tăng cường công tác quản lý nhà nước và năng lực điều cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo					
20	Điều tra, đánh giá, rà soát, xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách về điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ, ngành, địa phương liên quan	30		2020 - 2025
21	Ứng dụng công nghệ viễn thám kết hợp phương pháp địa vật lý - hải dương xác định dịch chuyển bờ ngầm và địa chất tầng nông đới bờ phục vụ đánh giá, dự báo xâm thực bờ biển và đề xuất một số giải pháp phòng, chống xâm thực dải ven biển Việt Nam	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ, ngành, địa phương liên quan	60		2021 - 2024
22	Tăng cường công tác điều tra cơ bản, quan trắc tài nguyên, môi trường biển thông qua lắp đặt các thiết bị điều tra, quan trắc tài nguyên, môi trường biển vào tàu du lịch khu vực biển Vịnh Hạ Long	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ, ngành, địa phương liên quan	30		2020 - 2021

STT	TÊN DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	NGUỒN KINH PHÍ		THỜI GIAN THỰC HIỆN
				SỰ NGHIỆP KINH TẾ	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	
IV	Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo					
23	Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường biển và hải đảo quốc gia (giai đoạn 2)	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ, ngành, địa phương liên quan	400		2020-2030
	TỔNG KINH PHÍ DỰ KIẾN: 3.646			2.385	1.261	